



FULBRIGHT
UNIVERSITY
VIETNAM

FULBRIGHT SCHOOL OF
PUBLIC POLICY AND MANAGEMENT

Chính sách phát triển

Bài 5

Phát triển do nhà nước chủ đạo (1)



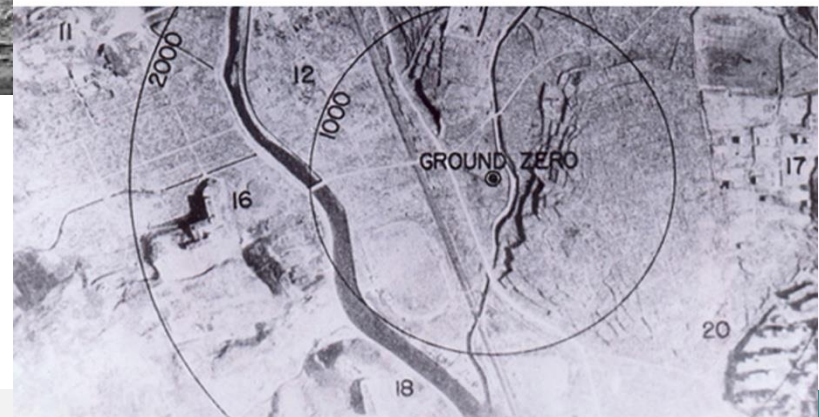


Bài 5

- Khám phá sự phát triển do nhà nước chủ đạo
- Quan điểm thị trường (tân cổ điển) về sự phát triển của Đông Á
- “Nhà nước [kiến tạo] phát triển”
- Ví dụ: Nhật và Hàn Quốc



Sau chiến tranh...



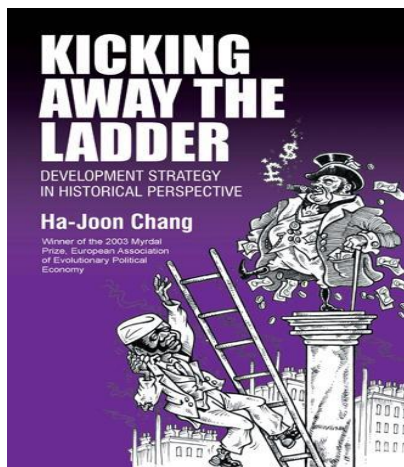


Ngày nay,...

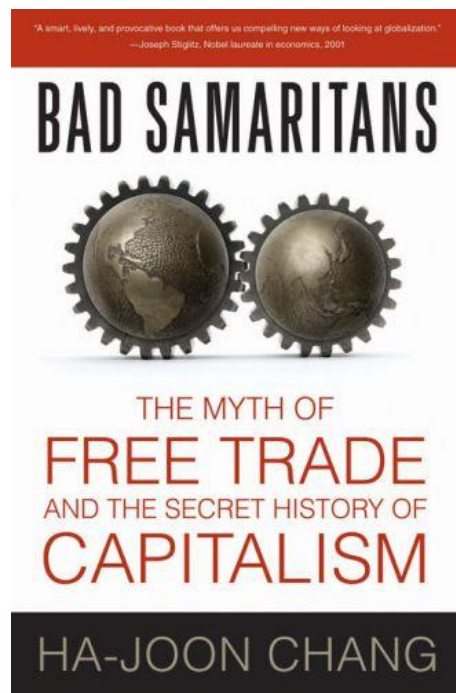




Công trình của Ha-Joon Chang



Các xã hội công nghiệp hóa lớn không phải là nơi cổ vũ thương mại tự do và nền kinh tế thị trường – họ cũng sử dụng các chiến lược “can thiệp” như ai!



“Chỉ có tự bản CN không bị ràng buộc và thương mại quốc tế rộng mở mới có thể nâng các nước khốn khó khỏi nghèo đói” là một giai thoại – Mỹ, Anh và ngay cả Hàn Quốc đạt được thịnh vượng nhờ chủ nghĩa bảo hộ không e dè và chính sách can thiệp ngành của nhà nước.

Cuốn sách đặt ra nhiều thách thức nghiêm túc đối với lập luận thị trường tự do của phương Tây – liên quan đến phát triển

Các nước công nghiệp hóa mới Đông Á



- Sự thần kỳ ĐÁ: sự phát triển thành công nhất trong lịch sử hậu chiến (NIC = Các nước công nghiệp hóa mới)
- Tăng trưởng kinh tế nhanh trong 40 năm qua: công nghiệp hóa, GNP, thu nhập bình quân đầu người... - những kỳ quan thật sự của các nước đang phát triển”
- Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore
- **Robert Wade** (1992) – Hàn Quốc thành công: 1. Tăng trưởng thu nhập, 2. thương mại, 3. Chuyển đổi công nghiệp, 4. Xóa nghèo và mở rộng quyền của người dân



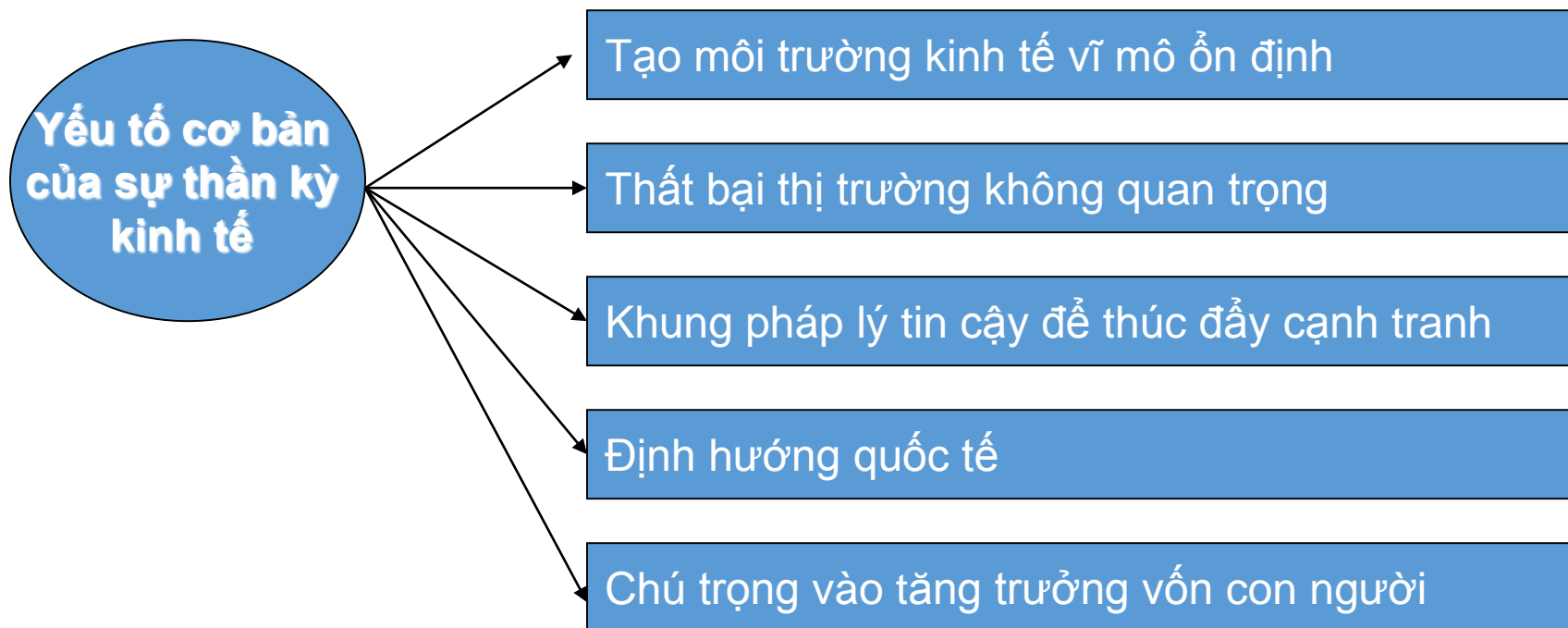
Khái niệm: Tăng trưởng nhanh

- **Tăng trưởng nhanh**: “giữa 1960-1985, thu nhập thực bình quân đầu người tăng hơn 4 lần ở Nhật và bốn con hổ châu Á, và hơn gấp đôi ở các nền kinh tế mới công nghiệp (NIE) ĐNA. Nếu tăng trưởng được phân phối ngẫu nhiên, tỉ lệ thành công tập trung theo khu vực này chỉ vào khoảng 1/10.000 (World Bank, 1993).
- **Câu hỏi chính**:
 - Các nước ĐA đạt thành tựu như thế nào?
 - Sự tăng trưởng này có liên quan đến hệ thống chính trị của họ?
 - Tại sao các nước này gặp khủng hoảng kinh tế?



Các quan điểm khác nhau

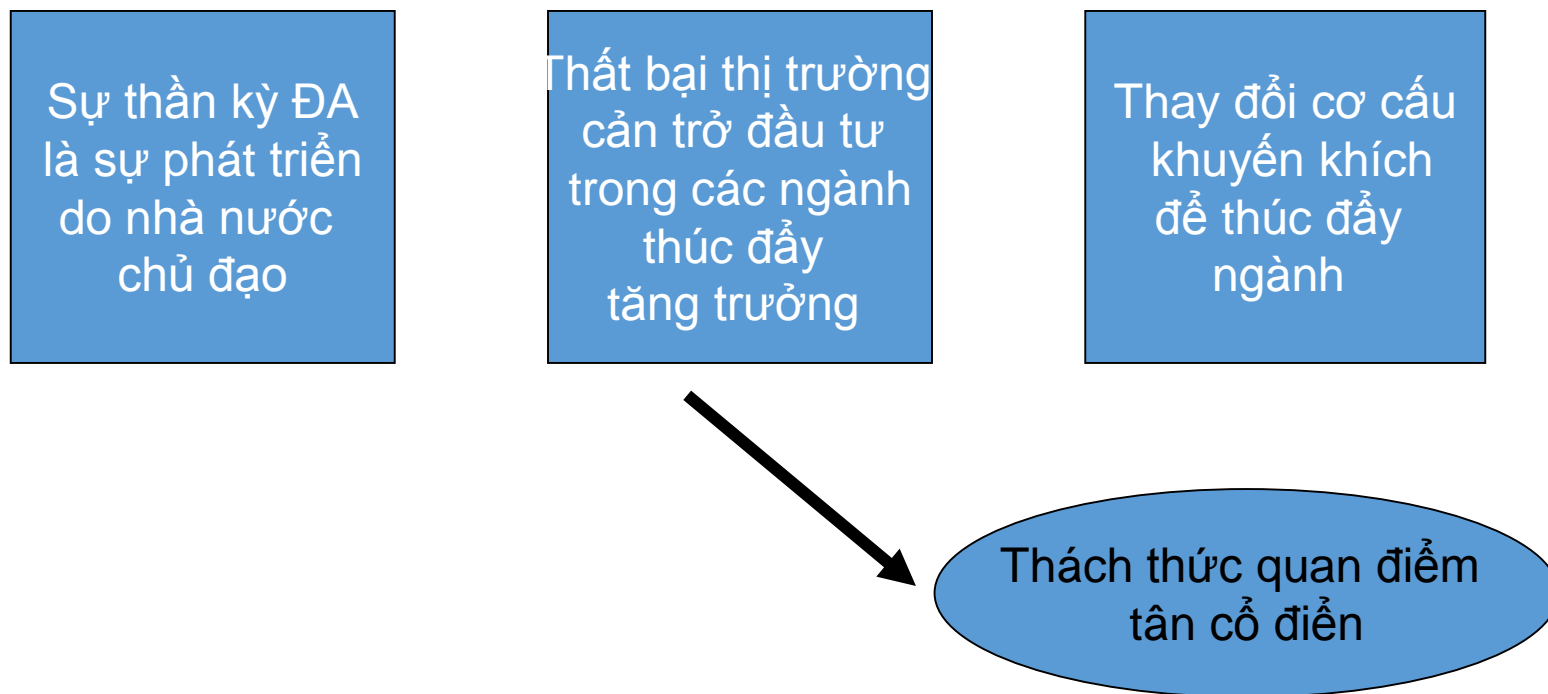
- Các quan điểm đối nghịch về sự thần kỳ ĐA
- Quan điểm tân cổ điển: “nền tảng cơ bản (giá cả) phải đúng”





Theo quan điểm xét lại

- Chính sách công nghiệp và can thiệp có chọn lọc là không nhất quán với quan điểm tân cổ điển

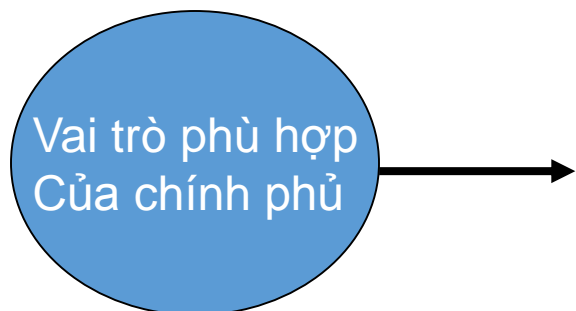


Lý thuyết Nhà nước [kiến tạo] Phát triển



Phản ứng của Tân tự do

- Báo cáo của WB 1991: mở rộng trên quan điểm tân tự do trong khi làm sáng tỏ vai trò hiệu quả nhưng hạn chế của sự can thiệp chính phủ đối với tăng trưởng nhanh.



Đảm bảo đầu tư đủ cho con người
Cung cấp môi trường cạnh tranh cho doanh nghiệp
Mở cửa kinh tế cho thương mại quốc tế, duy trì nền kinh tế ổn định

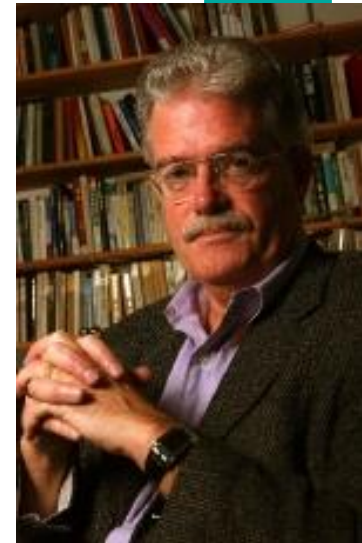
Ngoài vai trò này, chính phủ có khuynh hướng gây hại nhiều hơn lợi trừ khi sự can thiệp là thân thiện với thị trường

Cốt lõi của Thần kỳ ĐA



- Tóm tắt giải thích từ phe xét lại về sự TKĐA
- Cốt lõi
 1. Chủ nghĩa thực dân
 2. Bộ máy quan liêu công
 3. Chính sách kinh tế của nhà nước
 4. Mối quan hệ với Mỹ
 5. Bối cảnh địa chính trị và nền kinh tế chính trị quốc tế
 6. Văn hóa
 7. Chế độ cầm quyền
 8. Loại hình tổ chức sản xuất (doanh nghiệp)

1. Chủ nghĩa thực dân



- Tại sao?
 - a. Bruce Cummings và nhiều học giả khác
 - b. “ **Mối đe dọa sức mạnh phương Tây** ” (lo ngại khuất phục thực dân) – đánh thức lựa lãnh đạo đầu tiên ở Nhật thế kỷ 19
 - c. Học hỏi từ cách làm chính trị/kinh tế phương Tây
 - d. Hàn Quốc: thời kỳ Nhật chiếm đóng, hệ thống (kinh nghiệm) Nhật được cấy ghép triệt để
 - e. Bruce Cummings, “giai đoạn thực dân mang lại cho Hàn Quốc phiên bản thể chế mặc định” – quan điểm xét lại



2. Bộ máy quản lý nhà nước

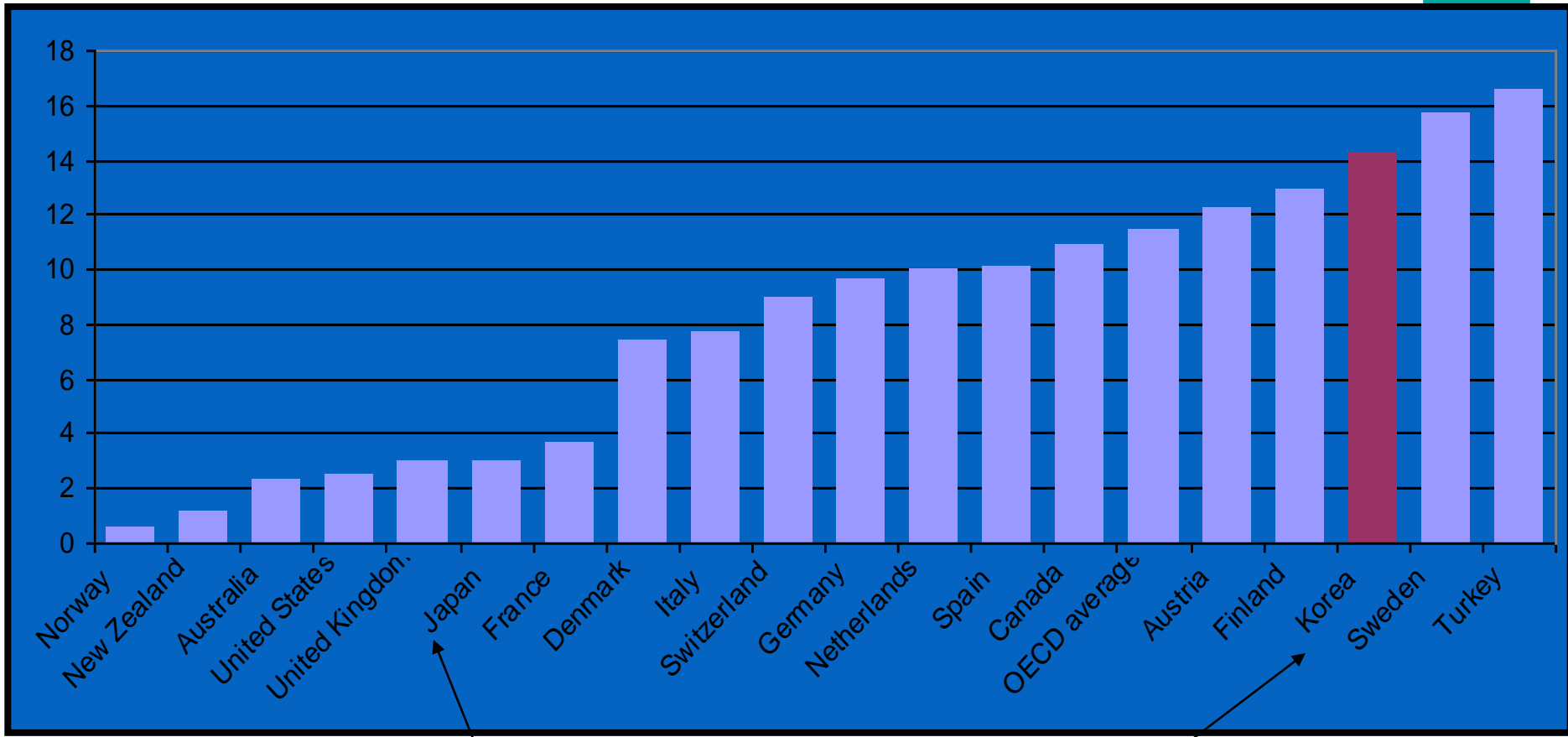
- Bộ máy quản lý công***
 - a. Nhật: ai cai trị? = bộ máy quản lý nhà nước (Johnson, 1982)
 - b. Tuyển dụng: từ những người giỏi nhất và thông minh nhất
 - c. Sáng kiến soạn thảo dự luật và chính sách
 - d. Bằng cách gì? Khảo thí cạnh tranh cao (Johnson, 1982)

Quản lý hành chính	ĐHGQ Seoul	ĐH Hàn Quốc	Đại học Yonsei	Đại học khác
Young Sam Kim (1993-1998)	58%	10%	3%	29%
Dae Jung Kim (1998-2003)	57%	12%	6%	25%



3. Chính sách Kinh tế của nhà nước

- a. Kế hoạch hóa tài chính và kinh tế: hệ thần kinh của lý thuyết ‘nhà nước phát triển’ – **khuyến khích** các ngành chọn lọc
- b. Kiểm soát **Lợi ích** và **Tỉ giá** thông qua **Hệ thống ngân hàng tập trung**
- c. Tỉ lệ tiết kiệm cao
- d. Chính sách công nghiệp
- trợ cấp
 - Hai cơ chế (xuất nhập khẩu) – bảo hộ ngành nội địa
 - Chính sách định hướng xuất khẩu



Thương mại/GDP 2004

4. Quan hệ với Mỹ

- a. Viện trợ của U.S.

Ví dụ kỳ trước (kế hoạch Marshall ở châu Âu)

Địa chính trị chiến tranh lạnh

Viện trợ quân sự và kinh tế →

Khoảng **60%** tổng viện trợ nước ngoài của Mỹ → ĐA (**75%** tổng nhập khẩu vào Hàn Quốc 1953-1960)

Ví dụ khả năng liên minh với vốn và công nghệ sản xuất nước ngoài



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

Tiếp theo...



b. Tiếp cận thị trường Mỹ

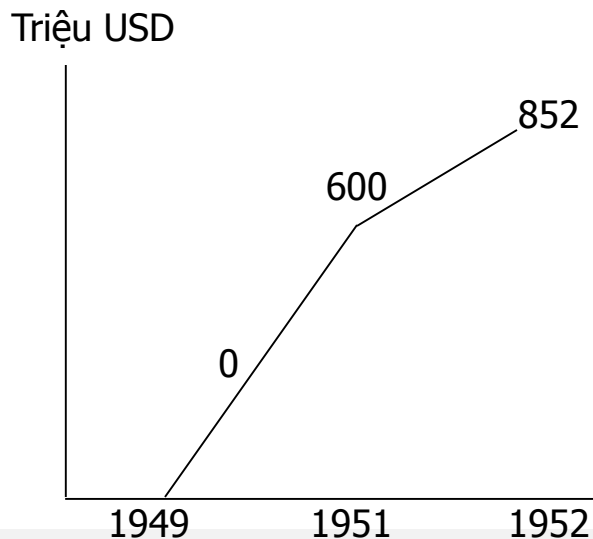
- Nhật, Hàn Quốc, và Đài Loan – được tiếp cận một chiều vào thị trường Mỹ - chính sách đối ngoại của Mỹ thời chiến tranh lạnh
- Thuế ưu đãi
- Phát triển hàng hóa chất lượng thấp, thâm dụng lao động, tiền lương thấp



5. Địa chính trị và kinh tế toàn cầu



- Địa chính trị và động năng của hệ thống kinh tế toàn cầu
 - a. Hai cuộc chiến
 - Hàn Quốc (đối với Nhật) và Việt Nam (đối với Hàn Quốc)
 - Quân đội Mỹ mua hàng từ Nhật: giúp phục hồi kinh tế
 - Kinh tế thời chiến mở rộng xuất khẩu (JAP: \$510 triệu – \$1.6 tỉ)



- Chiến tranh Việt Nam: Hàn Quốc nhận được khoảng \$50 triệu trong 10 năm
- Công ty Hàn Quốc tham gia công trình xây dựng ở Nam Á

Tiếp...



b. CN tư bản toàn cầu:

- Khủng hoảng kinh tế thế giới từ thập niên 70 – thiếu lao động, lương cao, ô nhiễm môi trường...
- Tìm thị trường mới; Đông Á (Hàn Quốc, Đài Loan), áp chế thị trường lao động, lương thấp, giáo dục tốt, kỷ luật
- Thị trường xây dựng thế giới ở trung đông (kiều hối từ lao động di cư: có tác động kinh tế đáng kể cho Hàn Quốc thập niên 1980.





6. Văn hóa

- a. Khổng giáo
- b. Văn hóa tiết kiệm
- c. Khát vọng giáo dục
- d. Nhật - Moral Suasion (nền tảng cho sự hiện đại): Sheldon Garon (1997)
- e. CN dân tộc mạnh mẽ



Koreans' average work hours still second-longest in OECD

2015-11-02 18:59

South Koreans work the second-longest hours among OECD countries, but with relatively low labor productivity, recent data showed.

Statistics compiled by the Paris-based club of advanced economies show that the average South Korean -- including salaried employees, self-employed and part-timers -- worked 2,124 hours in 2014, up 45 hours from the previous year.

This marks 1.2 times, or 354 hours, more than the average for the 34 Organization of Economic Cooperation and Development member countries, which stands at 1,770 hours per year.



(Yonhap)

Mexico was the only country ahead of Korea with 2,228 hours. South Korea was the most



7. Loại hình chế độ / doanh nghiệp

- Chế độ
 - a. Chế độ phát triển
 - b. Độc tài hay bảo thủ
 - c. Can thiệp

- Tổ chức sản xuất
 - a. Doanh nghiệp chiến lược: lợi ích từ nhà nước
 - b. Chuyên quyền nhà máy: Bảo hộ từ nhà nước
 - c. Tổ chức doanh nghiệp lớn:
Japan (*zaibatsu, keiretsu*) Korea (*chaebol*)



Q&A



CONTACT

Fulbright School of Public Policy and Management

232/6 Vo Thi Sau, District 3, HCMC

T: (028) 3932 5103

F: (08) 3932 5104

E-mail: info.fsppm@fuv.edu.vn

Web: www.fsppm.fuv.edu.vn/